

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 138/2025/DS-ST

Ngày 29 – 4 – 2025

V/v tranh chấp

Hợp đồng cầm cố tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Hồ Minh Chí

- **Thư ký phiên toà:** Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2025/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản giữa:

* **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần S. Địa chỉ: Số 128 đường D, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K.N, chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Ngọc Q, sinh năm 1990. Theo Giấy ủy quyền số 105/2024/UQ-SVN ngày 31/12/2024 (vắng mặt).

* **Bị đơn:** Bà Lê Thị D, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Số 181, đường T, khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 14/02/2025, Bản tự khai, biên bản hòa giải Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) yêu cầu như sau: Vào ngày 10/10/2022, bà Lê Thị D và Công ty cổ phần S ký kết hợp đồng cầm cố tài sản là xe Honda hiệu Vision biển kiểm soát 69B1-616.73 để cho bà D vay số tiền 20.900.000đ có thỏa thuận lãi suất 1,1%/tháng, phí mượn xe 2%/tháng/số tiền cầm cố xe, phí phạt vi phạm 8% giá trị phần nghĩa vụ vi phạm, phí tất toán hợp đồng trước hạn 7% nợ gốc chưa thanh toán, chi phí tổ tụng 10% nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định, phí quản lý hồ sơ 0,5% số tiền cầm cố, lãi suất quá hạn bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng, chưa thanh toán. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã trả cho Công ty được tổng số tiền vốn và lãi 16.722.079đ. Tính đến ngày 21/4/2025 bà D còn nợ Công ty số tiền vốn

6.245.245đ, lãi trong hạn từ 10/7/2024 là 206.093đ, phí quản lý hồ sơ 93.679đ, lãi quá hạn từ 10/7/2024 đến nay 1.700.000đ, phí mượn xe 2.137.037đ, phí phạt 499.620đ tổng số tiền 10.881.674đ.

Tại Đơn khởi kiện, Công ty yêu cầu bà D thanh toán nợ gốc và lãi tính đến 14/02/2025 là 11.537.000đ. Tại Bản tự khai đề ngày 29/4/2025 Công ty thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà D trả nợ tính đến ngày 29/4/2025 tổng cộng 7.662.708đ, trong đó nợ gốc 6.245.245đ, lãi trong hạn tính từ ngày 10/8/2023 đến ngày 29/4/2025 là 20 tháng 19 ngày với số tiền gốc 6.245.245đ bằng 1.417.463đ. Rút yêu cầu đối với khoản phí và yêu cầu trả lại xe hiệu Vision biển kiểm soát 69B1-616.73.

** Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 21/4/2025 bà Lê Thị D trình bày:* Bà thừa nhận có cầm cố xe cho Công ty cổ phần S để vay tiền đúng như đại diện Công ty trình bày. Nay bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả số tiền vốn 6.245.245đ, không đồng ý trả lãi vì đã trả lãi nhiều. Yêu cầu Công ty cổ phần S sẽ trả lại cho bà D bản gốc giấy đăng ký xe biển kiểm soát 69B1-616.73 khi bà D thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Công ty cổ phần S yêu cầu bà Lê Thị D thanh toán khoản tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản và khoản phí thuê xe phát sinh từ hợp đồng thuê tài sản. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản theo quy định tại Điều 309, Điều 472 Bộ luật Dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với đại diện Công ty cổ phần S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện Công ty cổ phần S theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào hợp đồng cầm cố tài sản ngày 10/10/2022, thể hiện bà D cầm cố xe hiệu Vision biển kiểm soát 69B1-616.73 để bà D vay và đã nhận số tiền 20.900.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã thực hiện trả được một phần tiền, các đương sự đều thống nhất số nợ gốc tính đến ngày 29/4/2025 là 6.245.245đ. Do đó có đủ căn cứ khẳng định bà D nợ Công ty nợ gốc 6.245.245đ. Đối với số tiền lãi, Công ty yêu cầu tính từ ngày 10/8/2023 đến ngày 29/4/2025 là 20 tháng 19 ngày với số tiền gốc 6.245.245đ bằng 1.417.463đ, mức lãi này phù hợp với lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng và thời gian tính lãi. Tại phiên tòa, bà D thống nhất trả với số tiền lãi 1.417.463đ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tổng cộng yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 7.662.708đ, làm tròn số 7.662.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà D phải chịu án phí có giá ngạch. Công ty không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 309, 310, 311, 314, 468, 472, 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 26, 147, 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty cổ phần S:

- Buộc bà Lê Thị D phải trả cho Công ty cổ phần S số tiền vốn và lãi phát sinh từ hợp đồng cầm cố tính đến ngày 29/4/2025 là 7.662.000đ (*Bảy triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày Công ty cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án, bà Lê Thị D không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Công ty cổ phần S phải trả lại cho bà Lê Thị D bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/9/2021 đối với xe biển kiểm soát 69B1-616.73, hiệu Honda màu Đen, tên chủ xe Lê Thị D, khi bà Lê Thị D thanh toán dứt nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 383.000đ (*ba trăm tám mươi ba nghìn đồng*) bà Lê Thị D phải nộp (*chưa nộp*). Công ty cổ phần S không phải nộp án phí, ngày 31/3/2025 Công ty cổ phần S đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai số 0010583, tại Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Phan Thị Thu